

Hà Vũ (2023). Sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về kinh tế tập thể, hợp tác xã. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 1(2023), 104-113

Đặc san Nghiên cứu  
Chính sách  
và Phát triển

© Học viện  
Chính sách  
và Phát triển, 2022  
© CSR, 2023

Bài báo khoa học

## Sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về kinh tế tập thể, hợp tác xã

**Vũ Thị Thái Hà (ThS.)**

*Học viện Chính sách và Phát triển*

*Email: havtt@apd.edu.vn*

### Tóm tắt

Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ nhận thức đó, Đảng luôn chỉ đạo sát sao, kịp thời các chủ trương, chính sách về xây dựng và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã ngày càng lớn mạnh, trở thành một bộ phận kinh tế quan trọng của đất nước. Mục tiêu của bài viết nhằm khái quát một cách có hệ thống quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng về kinh tế tập thể, hợp tác xã trước thời kỳ đổi mới, thời kỳ đổi mới và từ Đại hội XIII đến nay. Kết quả nghiên cứu chỉ ra sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về kinh tế tập thể, hợp tác xã luôn là bộ phận kinh tế quan trọng trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là xây dựng bộ phận kinh tế tập thể, hợp tác xã theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII.

**Ngày nhận bài:**

15/11/2022

**Bản sửa lần 1:**

23/11/2022

**Ngày duyệt bài:**

10/12/2022

Mã số: ĐS120123

**Từ khóa:** Đại hội, hợp tác xã, kinh tế tập thể, quan điểm của Đảng.

### Abstract:

The Vietnamese Communist Party quickly realized the collective and cooperative economy's position, function, and significance in constructing socialism. Aware of this, the Party consistently and swiftly directs guidelines and policies to strengthen and expand the collective economy and cooperatives so that they become a significant economic component of the nation. This article aims to provide a systematic summary of the evolution of the Party's theoretical perspective on the collective and cooperative economy before the Doi Moi period, during the Doi Moi period, and since the Thirteenth National Congress to the present. The research results indicate that the development of the Party's theoretical thinking on the collective and cooperative economy has always been an integral part of the process of developing a socialist-oriented market economy, particularly the establishment of a collective and cooperative economic department in accordance with the Resolution of the XIIIth National Congress of the Communist Party of China.

### Keywords:

*Congress, cooperatives, collective economy, viewpoints of the Party.*

### 1. Quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trước đổi mới

Ngày từ Đại hội II của Đảng (1951) Đảng đã sớm khởi xướng chủ trương xây dựng nền kinh tế dân chủ nhân dân là kinh tế của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế dân chủ nhân dân Việt Nam gồm có những bộ phận như sau: bộ phận kinh tế nhà nước gồm những xí nghiệp do Nhà nước kinh doanh; bộ phận hợp tác xã gồm những tổ chức kinh tế do hợp tác xã kinh doanh. Đại hội nhấn mạnh: Phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã để xây dựng bộ phận kinh tế xã hội hóa lớn mạnh, làm cho kinh tế nhà nước đóng vai trò lãnh đạo các bộ phận kinh tế khác và kinh tế hợp tác xã hóa dần những bộ phận kinh tế riêng lẻ của tư nhân một cách có lợi chung cho Nhà nước, cho nhân dân và cho cả tư nhân.<sup>(1)</sup> Đại hội II tiếp tục khẳng định: “Để cho nông nghiệp, thương nghiệp và thủ công nghiệp thêm điều kiện phát triển có lợi cho tăng gia sản xuất bảo đảm cung cấp, chúng ta có nhiệm vụ đẩy mạnh phong trào hợp tác xã. Nó vừa là móng kinh tế tập thể hóa, vừa là một động cơ tăng sức lao động, hợp lý hóa sự sản xuất và tinh giản sự tiêu phí. Phong trào hợp tác xã cần đẩy mạnh trong nông nghiệp trước hết và cần đặc biệt chú trọng thu hút những người tiểu nông. Hình thức cần phát triển mạnh mẽ hơn cả là những kiểu hợp tác xã sản xuất đơn sơ. Phối hợp với kinh tế cá thể của tiểu nông, nó sẽ có một tác dụng rất lớn lao trong việc phát triển nông nghiệp nói riêng cũng như trong việc phát triển toàn bộ kinh tế nói chung”.<sup>(2)</sup> Đặc biệt, Đại hội II còn đưa ra nguyên tắc xây dựng hợp tác xã: “Nguyên tắc của chúng ta trong việc đẩy mạnh phong trào hợp tác xã là: Tự dân thích, tự dân làm; Chính phủ ra sức giúp đỡ về tổ chức, về cán bộ; hợp tác

xã phải quần chúng hoá, nghĩa là giải quyết khó khăn cho quần chúng và phải có khả năng thu hút ngày càng nhiều nhân dân lao động tham gia”.<sup>(3)</sup> Có thể thấy chính những chủ trương của Đảng về xây dựng nền kinh tế dân chủ nhân dân tại Đại hội II đã đặt nền móng cho sự phát triển của hợp tác xã, nhất là hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam.

Quan niệm về kinh tế tập thể tiếp tục được bổ sung, phát triển trong Văn kiện Đại hội III khi chỉ rõ: “Bước đi của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp nói chung là đi từ tổ đổi công lên hợp tác xã sản xuất bậc thấp và hợp tác xã bậc cao, từ hợp tác xã quy mô nhỏ lên hợp tác xã quy mô lớn, đồng thời phát triển những hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng, để biến nông dân cá thể thành nông dân tập thể, biến sản xuất cá thể thành sản xuất tập thể, phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới... Phải luôn luôn nắm vững ba nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ”.<sup>(4)</sup> Các nguyên tắc này đến nay vẫn còn nguyên giá trị, vẫn là cơ sở xây dựng và phát triển hợp tác xã bền vững. Có thể thấy, chủ trương của Đảng giai đoạn này đã mở đường không chỉ cho các hợp tác xã bậc cao trong nông nghiệp được mở rộng quy mô mà còn kéo theo sự ra đời của hàng ngàn hợp tác xã trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: tiểu thủ công nghiệp, mua bán, vận tải, tín dụng, xây dựng... Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, quan điểm đúng đắn trên của Đảng đã góp phần củng cố và phát triển các hợp tác xã, trở thành một lực lượng kinh tế quan trọng trong nền kinh tế của hậu phương lớn miền Bắc.

Tại Đại hội IV năm 1976, Đảng đặc biệt quan tâm tới vai trò của hợp tác xã trong việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây

dựng chế độ mới và con người mới ở nông thôn. “Hợp tác xã là tổ chức sản xuất và cũng là tổ chức quần chúng rộng rãi của nông dân tập thể, có nhiệm vụ đoàn kết, giáo dục, nâng cao ý thức và năng lực làm chủ tập thể của nông dân, không ngừng nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của giai cấp nông dân tập thể”.<sup>(5)</sup> Đại hội chủ trương mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh cũng như khuyến khích các hợp tác xã thực hiện chế độ hạch toán kinh tế để vừa bảo đảm sự quản lý tập trung của Nhà nước, vừa tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ của hợp tác xã và quyền làm chủ tập thể của xã viên; khắc phục lối quản lý bao cấp cũng như thái độ cửa quyền của các cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế quốc doanh, làm cho hợp tác xã bị động, ỷ lại, thiếu tích cực và sáng tạo. Mặc dù đã có chấn chỉnh, rút kinh nghiệm song thời điểm này, Đảng vẫn mắc những khuyết điểm khi tiến hành cải tạo nông nghiệp ở miền Nam một cách ồ ạt, nặng về hình thức, phong trào nên các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã hoạt động không hiệu quả, kém chất lượng và lần lượt bị tan rã.

Trước tình hình trên, Đại hội V (3 - 1982) đề ra phương hướng cụ thể cho việc cải tạo nền nông nghiệp ở miền Nam là phải khắc phục xu hướng chần chừ, do dự, thiếu tích cực trong việc chỉ đạo hợp tác hóa, đồng thời tránh nóng vội, giản đơn, làm ồ ạt, nặng về hình thức. Đồng thời, Đại hội cũng đề ra nhiệm vụ và mục tiêu đến năm 1985 phải hoàn thành cơ bản việc cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ, tiếp tục đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ với hình thức tập đoàn sản xuất là chủ yếu, trên cơ sở thực hiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Đây chính là một bước tiến mới trong quan điểm

của Đảng về xây dựng và củng cố hợp tác xã, bước đầu thừa nhận quyền tự chủ của nông dân. Tuy nhiên, hình thức khoán này khi được triển khai rộng rãi cũng đặt ra nhiều vấn đề mới về tổ chức, quản lý, về củng cố hợp tác xã nên Đảng nhấn mạnh “củng cố và kiện toàn các cơ sở của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là việc rất quan trọng và có tác dụng thiết thực”.<sup>(6)</sup> Mặt khác, để khắc phục vấn đề yếu kém của cán bộ khi không đủ trình độ để quản lý tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, Đảng đã đề cập đến việc đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ trong khu vực kinh tế tập thể.

Bên cạnh những kết quả đạt được, giai đoạn này mặc dù đã thành lập được một số lượng đáng kể tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, song đa số chỉ là hình thức, chỉ có tên trên giấy tờ mà không hoạt động theo kế hoạch. Những thiếu sót, sai lầm trong quá trình tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp ở giai đoạn trước như tư tưởng nóng vội muốn xóa bỏ ngay chế độ tư hữu để nhanh chóng thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã đưa đến cách làm theo kiểu chiến dịch, gò ép, chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng, buông lỏng quản lý... nay vẫn mắc phải. Những điểm bất hợp lý này cho thấy sự điều chỉnh của Đại hội V so với yêu cầu thực tiễn vẫn còn khoảng cách rất lớn, một lần nữa đặt ra yêu cầu cho Đảng phải có sự nhận thức lại về cách thức tổ chức quản lý hợp tác xã cho phù hợp với giai đoạn mới.

## 2. Quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã thời kỳ đổi mới

Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (-12 1986) đã mở ra một thời kỳ mới - thời kỳ đổi mới toàn diện, triệt để và sâu sắc mọi mặt đời sống của đất nước, trong đó có lĩnh vực kinh tế, nhằm thực hiện có hiệu quả hơn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở

nước ta. Đại hội VI nhấn mạnh để tiến hành vững chắc công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát huy tác dụng tích cực của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần cần phải “củng cố kinh tế tập thể bằng cách nâng cao trình độ tổ chức, quản lý và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật đi đôi với thực hiện quan hệ trao đổi và liên kết với kinh tế quốc doanh, kinh tế gia đình”<sup>(7)</sup>. Đại hội VI cũng chủ trương, trong nông nghiệp cần giải quyết đúng đắn quan hệ giữa Nhà nước, kinh tế quốc doanh với hợp tác xã, đồng thời cải tiến quản lý nội bộ hợp tác xã, hoàn thiện phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, gắn liền việc xây dựng quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật với xây dựng nông thôn mới.

Qua rút kinh nghiệm ở giai đoạn trước, Đảng nhận thức rằng việc đưa các tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã bậc cao, quy mô lớn phải căn cứ vào các điều kiện cụ thể đã chín muồi, không làm vội vã; vận động những người lao động cá thể đi vào làm ăn tập thể theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi. Không gò ép, không thành kiến, phân biệt đối xử hây gây khó khăn cho những người lao động cá thể chưa muốn tham gia các tổ chức kinh tế tập thể hoặc xin rút ra khỏi các tổ chức đó. Chính từ sức ảnh hưởng của các chủ trương này mà năm 1986 cũng được coi là năm phát triển cao nhất của phong trào hợp tác xã ở Việt Nam.

Đại hội VII năm 1991 tiếp tục nhấn mạnh vị trí của kinh tế tập thể là cùng với kinh tế quốc doanh ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Quan điểm của Đảng là phải đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của kinh tế tập thể; đồng thời tăng cường vai trò của ban quản trị hợp tác xã trong việc quản lý, điều hành sản xuất và tổ chức dịch vụ ở những khâu và lĩnh vực

mà hộ xã viên không có điều kiện làm hoặc làm không hiệu quả bằng tập thể. Phát triển các hình thức hợp tác đa dạng và mở rộng các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng ở những nơi cần thiết và có điều kiện, trên cơ sở tự nguyện góp vốn, góp sức của những người lao động.

Để phát huy và kết hợp sức mạnh của tập thể và của xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp, Đảng xác định “các hộ xã viên là những đơn vị kinh tế tự chủ”, một hộ gia đình có thể tham gia các hợp tác xã khác nhau và có quyền rút ra khỏi hợp tác xã theo điều lệ. Vì vậy Đảng cho rằng phải “tiếp tục đổi mới và kiện toàn kinh tế tập thể theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, phát huy và kết hợp hài hoà sức mạnh của tập thể và của xã viên”<sup>(8)</sup>. Có thể thấy đây chính là điểm mới trong tư duy của Đảng tại Đại hội VII về kinh tế tập thể, hợp tác xã. Thay vì gần như tuyệt đối vai trò của kinh tế tập thể như các Đại hội trước thì nay đã nhìn nhận rõ hơn vai trò của kinh tế hộ, cá thể xã viên trong mối quan hệ với hợp tác xã.

Nghị quyết Đại hội VIII (6-1996) của Đảng lần đầu sử dụng khái niệm “kinh tế hợp tác” khi xác định kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế bên cạnh các thành phần kinh tế nhà nước; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân. Đại hội VIII nhấn mạnh sự cần thiết phải chăm lo đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác, làm cho kinh tế nhà nước thực sự làm ăn có hiệu quả, phát huy tốt vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã phấn đấu dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân”. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có chính sách ưu



đãi, giúp đỡ kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã phát triển tốt. Bên cạnh đó, Đại hội VIII cũng chỉ ra những thiếu sót như chưa quan tâm tổng kết thực tiễn, chưa kịp thời chỉ ra phương hướng, biện pháp đổi mới kinh tế hợp tác, để hợp tác xã ở nhiều nơi tan rã hoặc chỉ còn là hình thức, cản trở sản xuất phát triển; chưa kịp thời đúc kết kinh nghiệm, giúp đỡ các hình thức kinh tế hợp tác mới phát triển. Từ thực tế trên, Đảng đưa ra những chủ trương, chính sách cụ thể đối với kinh tế hợp tác thời kỳ này là: “Kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động nhằm kết hợp sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh tập thể để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất, kinh doanh và đời sống. Phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến hợp tác xã; Hợp tác xã được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên... mỗi xã viên có quyền như nhau đối với công việc chung”<sup>(9)</sup>. Nhận thức của Đảng về kinh tế tập thể ngày càng đi vào thực chất khi tiếp tục khẳng định nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ của hợp tác xã. Phân phối trong hợp tác xã được dựa theo kết quả lao động và theo cổ phần mà xã viên đóng góp chứ không phải xã viên chỉ là người làm công trong hợp tác xã, được hợp tác xã điều động làm các công việc khác nhau song không chịu trách nhiệm gì và được hưởng quyền lợi như nhau.

Có thể nói từ năm 1987 đến năm 1996 là giai đoạn khó khăn nhất đối với các hợp tác xã ở nước ta. Bởi giai đoạn này cơ chế cũ dần được xóa bỏ, cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dần hình thành nên phần lớn các hợp tác xã hoạt động theo mô

hình cũ rơi vào tình trạng khó khăn, lúng túng, nhiều hợp tác xã bị tan rã, giải thể.

Trước bối cảnh đó, Đại hội IX (2001) của Đảng vẫn kiên định vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa khi khẳng định kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Văn kiện Đại hội IX chủ trương phát triển “Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành”<sup>(10)</sup>. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng đưa ra các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể như giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, nắm bắt thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, giải quyết nợ tồn đọng; khuyến khích việc tích lũy, phát triển có hiệu quả vốn tập thể trong hợp tác xã; khuyến khích hình thức liên doanh, liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể, trong thời kỳ đổi mới Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để phát triển thành phần kinh tế này, điển hình như: Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Nghị quyết đề ra mục tiêu từ nay đến năm 2010 là: đưa kinh tế tập thể thoát khỏi những yếu kém hiện nay, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn, tiến tới có tỷ trọng ngày càng lớn hơn trong GDP của nền kinh

tế. Nghị quyết nêu rõ quan điểm cơ bản cho mô hình tổ chức hợp tác xã là: Trong nông nghiệp, trên cơ sở phát huy tính tự chủ của hộ gia đình, chú trọng phát triển các hình thức hợp tác và hợp tác xã cung cấp dịch vụ, vật tư và tiêu thụ sản phẩm cho kinh tế hộ gia đình và trang trại. Hợp tác xã hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi và quản lý dân chủ; phân phối theo lao động, theo vốn góp và mức độ tham gia dịch vụ. Kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế làm chính, bao gồm lợi ích của các thành viên và lợi ích tập thể, đồng thời coi trọng lợi ích xã hội của thành viên, góp phần xoá đói, giảm nghèo, tiến lên làm giàu cho các thành viên, phát triển cộng đồng. Tiếp tục phát triển kinh tế tập thể trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn, trong đó trọng tâm là ở khu vực nông nghiệp, nông thôn; gắn với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) ra đời, thúc đẩy khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển cả về số lượng và chất lượng, cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài. Nhiều loại hình, mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã đã xuất hiện, hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, xoá đói, giảm nghèo cho các thành viên, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh, an toàn xã hội, từng bước khẳng định vị trí, vai trò nền tảng của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nền kinh tế quốc tế.

Đại hội X (2006) vẫn tiếp tục khẳng định kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tập thể là một trong các bộ phận hợp thành quan trọng của

nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bên cạnh các thành phần kinh tế khác như kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Bên cạnh việc tiếp tục nhấn mạnh các nguyên tắc hoạt động và khuyến khích việc tăng vốn góp của kinh tế tập thể, hợp tác xã như các Đại hội trước, Đại hội X chủ trương “sớm có chính sách, cơ chế cụ thể khuyến khích phát triển mạnh hơn các loại hình kinh tế tập thể đa dạng về hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, bao gồm các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới. Chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cổ phần”.<sup>(11)</sup> Đại hội X lần đầu tiên đã nêu ra thuật ngữ “hợp tác xã kiểu mới”. Tuy rằng nội hàm của thuật ngữ này chưa được làm rõ nhưng đã thể hiện sự biến chuyển trong nhận thức của Đảng về việc cần thiết phải đưa ra một mô hình tổ chức hợp tác xã mới thay thế cho mô hình hợp tác xã kiểu cũ vốn gắn sâu với cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp nay đã không còn phù hợp.

Đại hội XI đã đưa vào Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) quan điểm về tầm quan trọng của kinh tế tập thể là: Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế Nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân... Nghị quyết Đại hội XI của Đảng trên cơ sở tổng kết thực tiễn đã xác định: “Khẩn trương hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc ra đời, phát triển các hợp tác xã, các tổ hợp tác kiểu mới và các mô hình kinh tế tập thể khác theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi,

có chức năng kinh tế và xã hội. Tạo điều kiện phát triển các trang trại ở nông thôn và hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại”.<sup>(12)</sup> Tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tập thể phát triển đa dạng, mở rộng quy mô; có cơ chế, chính sách hợp lý trợ giúp các tổ chức kinh tế hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mở rộng thị trường, ứng dụng công nghệ mới, tiếp cận vốn.

Đại hội XII (2016) của Đảng đưa ra giải pháp “tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã; đẩy mạnh liên kết và hợp tác dựa trên quan hệ lợi ích, áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước có cơ chế, chính sách hỗ trợ về tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường, tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác xã trên cơ sở phát triển và phát huy vai trò của kinh tế hộ”.<sup>(13)</sup> Quan điểm này của Đảng một lần nữa khẳng định bản chất của kinh tế tập thể với nòng cốt là hợp tác xã không phải là sự phủ định, thay thế kinh tế hộ mà là làm cho việc sản xuất của các xã viên, của kinh tế hộ có sự cạnh tranh hơn, thu nhập cao và bền vững hơn. Thêm vào đó, Đảng cũng khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia. Tạo điều kiện hình thành những tổ hợp nông - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao. Quan điểm này cũng thể hiện tầm nhìn của Đảng trước xu hướng hội nhập quốc tế, cạnh tranh cao và khắc nghiệt, cần một mô

hình hợp tác xã kiểu mới tiên tiến, đủ mạnh để giúp người nông dân nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm.

### 3. Quan điểm của Đảng về kinh tế tập thể, hợp tác xã từ Đại hội XIII đến nay

Đại hội XIII (2021) vẫn giữ vững quan điểm: “Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển”.<sup>(14)</sup> Tiếp tục chủ trương mở rộng phạm vi hoạt động của kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác với vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã. Đại hội XIII cũng nhận thấy các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã phần lớn có quy mô nhỏ, năng lực nội tại còn yếu, do đó phải đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã, gắn với phát huy vai trò làm chủ, tăng cường lợi ích của thành viên.

Trên cơ sở xác định rõ thực trạng và nguyên nhân làm cho kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, ngày 16/6/2022, Ban chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW - Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Việc ban hành Nghị quyết này là một yêu cầu cấp thiết nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, phù hợp với thực tiễn và tạo động lực mới để phấn đấu đến năm 2030 nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại, có thu nhập trung bình cao; và đến

năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Nghị quyết đã đưa ra nhận thức mới về kinh tế tập thể như sau:

Thứ nhất, tổ chức kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã là hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh thuộc thành phần kinh tế tập thể, là tổ chức kinh tế của những thể nhân, pháp nhân có nhu cầu, tự nguyện lập ra và tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình theo quy định của pháp luật. Tổ chức kinh tế tập thể hoạt động bình đẳng với các tổ chức kinh tế khác. Nhà nước không can thiệp trực tiếp, mà chỉ quản lý hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể thông qua pháp luật và chính sách.

Thứ hai, các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động có mục đích kinh tế - xã hội và nhân văn, không chỉ vì lợi ích kinh tế thuần túy.

Thứ ba, đánh giá hiệu quả của tổ chức kinh tế tập thể chủ yếu dựa trên số lượng, chất lượng thành viên tham gia, lợi ích tổ chức mang lại cho thành viên và cộng đồng.

Thứ tư, phát triển kinh tế tập thể là một trong những phương thức để khắc phục mặt trái của kinh tế thị trường, là nền tảng quan trọng để đạt mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; là cơ sở để “hợp tác” trở thành văn hoá, bản sắc trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; là một kênh quan trọng để thực hiện các chính sách phát triển văn hoá, xã hội bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại cộng đồng dân cư.

Có thể thấy, tư duy về kinh tế tập thể trong Nghị quyết này rất rõ ràng, dễ hiểu, đặc biệt chú trọng hiệu quả và lợi ích cho thành

viên và cả xã hội, nhấn mạnh nguyên tắc tự nguyện, nhà nước không can thiệp trực tiếp vào hoạt động của khu vực kinh tế này.

Nghị quyết số 20-NQ/TW cũng đã đưa ra các quan điểm và mục tiêu phát triển kinh tế tập thể sau:

*Về quan điểm:* Phát triển kinh tế tập thể là xu thế tất yếu trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tập thể phải tôn trọng bản chất, giá trị, nguyên tắc hoạt động của kinh tế tập thể, phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng, miền và cả nước, tránh nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, từ thấp đến cao, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các liên hiệp hợp tác xã, không giới hạn về quy mô, lĩnh vực và địa bàn. kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế là trọng tâm, đồng thời coi trọng lợi ích chính trị, văn hóa, xã hội...

*Về mục tiêu:* Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững, thu hút ngày càng nhiều nông dân, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức tham gia; góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của các thành viên, hộ gia đình, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Mục tiêu cụ thể được đưa ra đến năm 2030 cả nước có khoảng 140.000 tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên; 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên. Có trên 5.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ



cao vào sản xuất; phát triển các chuỗi giá trị nông sản hàng hóa; đưa sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài. Mục tiêu đến năm 2045 thu hút tối thiểu 20% dân số tham gia các tổ chức kinh tế tập thể; có ít nhất 3 tổ chức kinh tế tập thể nằm trong bảng xếp hạng 300 hợp tác xã lớn nhất toàn cầu; các tổ chức kinh tế tập thể đều áp dụng chuyển đổi số vào hoạt động.

Nhằm hiện thực hóa các mục tiêu trên cũng như thúc đẩy kinh tế tập thể có bước phát triển mới về chất trong thời gian tới, Nghị quyết 20 đưa ra một số giải pháp đồng bộ sau:

Một là, nâng cao nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức và nhân dân thông qua tuyên truyền, giáo dục. Xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực và hiệu quả, hình thức đa dạng, phong phú; kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả.

Hai là, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về kinh tế tập thể như: Quy định về các loại hình tổ chức kinh tế tập thể, quy định về hợp tác xã, về phát triển doanh nghiệp trong hợp tác xã, về kiểm toán cũng như các quy định nhằm nâng cao tính minh bạch trong quản lý, điều hành. Sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo hướng kinh tế tập thể là chủ thể phù hợp kết hợp giữa đầu tư của Nhà nước và đầu tư, quản lý của tập thể người dân. Xây dựng chương

trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể với các chính sách cụ thể như: chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách đất đai, tài chính, tín dụng, khoa học - công nghệ, chính sách hỗ trợ về thông tin kinh tế, kỹ năng tiếp thị và nghiên cứu thị trường, chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, chính sách bảo hiểm xã hội.

Ba là, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể để giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn đọng của kinh tế tập thể như: nợ tồn đọng kéo dài trong hợp tác xã, tài sản liên quan đến đất đai... Phát huy tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thành viên; khuyến khích tăng các nguồn vốn hoạt động và đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia... Tăng cường liên kết với các tổ chức thuộc thành phần kinh tế khác, đặc biệt là liên kết với doanh nghiệp nhà nước.

Bốn là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, bảo đảm tập trung và thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Đội ngũ cán bộ quản lý có chuyên môn, được đào tạo chuyên sâu về kinh tế tập thể. Nghị quyết cũng đặc biệt chú trọng tới việc minh bạch trong quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về phát triển kinh tế tập thể. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm, cơ chế phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước trong việc thúc đẩy kinh tế tập thể phát triển. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý kịp thời các sai phạm về kinh tế tập thể. Xây dựng và triển khai các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể. Khẩn trương sửa đổi Luật hợp tác xã 2012 cũng như các quy định pháp luật liên quan.

Năm là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và Liên minh hợp tác xã Việt Nam đối với phát triển kinh tế tập thể. Trong đó Nghị quyết nhấn mạnh vai trò nòng cốt của hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam từ Trung ương đến địa phương trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Liên minh phải thực sự là cơ quan đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các thành viên hợp tác xã, làm cầu nối giữa Đảng và Nhà nước với thành phần kinh tế tập thể, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### **Kết luận**

Nghiên cứu chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã thời kỳ trước đổi mới, thời kỳ đổi mới và từ Đại hội XIII đến nay, thấy rõ sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về thành phần kinh tế tập thể, hợp tác xã. Đảng luôn coi kinh tế tập thể, hợp tác xã là bộ phận kinh tế quan trọng, có ý nghĩa chiến lược và lâu dài trong nền kinh tế nước ta. Chúng ta có thể tin tưởng rằng, với sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng, Nhà nước, sự vào cuộc của các Bộ, ngành, địa phương cùng với sự nỗ lực vươn lên của các hợp tác xã, thời gian tới kinh tế tập thể, hợp tác xã sẽ có bước phát triển vững chắc, góp phần quan trọng trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

(1), (2), (3) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 87, 106, 106.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 21, 1960, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, tr. 924

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 37, 1976, NXB CTQG, HN 2004, tr. 956.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 43, 1982, NXB CTQG, HN 2005. Tr. 236.

(7), (8), (9), (10) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.58, 453, 697-698, 918-919.

(11), (12), (13) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Phần II (Đại hội X, XI, XII), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.105, 416, 658.

(14) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.130.